



BẢN TIN Khoa học Công nghệ

ISSN 2815 - 584X



Số 01-2025

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG NGÃI

VÀ CÔNG TÁC CÁN BỘ CỦA UB



BẢN TIN Khoa học Công nghệ

Số 01-2025



Chịu trách nhiệm xuất bản:

TS. PHAN VĂN HIẾU

Phó Giám đốc Sở KH&CN

Thực hiện:

TRUNG TÂM ỨNG DỤNG VÀ DỊCH VỤ
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG NGÃI

202 - Trường Chinh - TP. Quảng Ngãi

Điện thoại: 0255.3822007

Fax: 0255.3828529

Email: ttddvkhcn-skhn@quangngai.gov.vn

Website:

<https://skh.quangngai.gov.vn>

Ảnh bìa 1: Ảnh lớn

Công bố quyết định thành lập Sở Khoa học và Công nghệ và bổ nhiệm ông Trần Thanh Trường giữ chức vụ Giám đốc Sở.

Trong số này:

Kính Biểu

◆ **Những vấn đề chung:**

👉 Quy định quản lý nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước.

MINH PHƯƠNG 1

👉 Kế hoạch cải cách hành chính năm 2025 tỉnh Quảng Ngãi.

NGUYỄN TÚ 4

👉 Kế hoạch hành động Quốc gia về phát triển kinh tế số giai đoạn 2024 - 2025

MAI NGỌC 8

👉 Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2025 của Sở Khoa học và Công nghệ.

NGUYỄN DUNG 11

◆ **Khoa học - Công nghệ và đổi mới sáng tạo:**

👉 Kết quả công tác chuyển đổi số của Sở Khoa học và Công nghệ năm 2024.

CẨM HỒNG 12

👉 Hoạt động thanh tra, kiểm tra khoa học và công nghệ năm 2024.

HƯƠNG NGUYỄN 15

👉 Nâng cao chất lượng hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn các phương tiện đo tại Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ tỉnh Quảng Ngãi.

TÍN DỪNG 17

👉 Tăng cường hoạt động đo lường tại doanh nghiệp.

ĐANG NGUYỄN 20

👉 Kết nối các mô hình khởi nghiệp.

NHƯ PHƯƠNG 22

👉 Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, hình ảnh cộng hưởng từ sọ não và điện não đồ ở bệnh nhi viêm não tại Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ngãi.

TÚ UYÊN 24

👉 Năm được liệu Ninh Trương nhận giải thưởng Lương Định Của năm 2024.

NGUYỄN ANH 27

◆ **Thông tin khoa học và công nghệ:**

👉 Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thuộc Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, bắt đầu thực hiện từ năm 2025.

TƯỜNG LAN 29

👉 Sự kiện Khoa học và Công nghệ nổi bật năm 2024.

MINH KHUÊ 30

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH, CẤP CƠ SỞ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

✍ MINH PHƯƠNG



Hội đồng tư vấn xác định danh mục khoa học và công nghệ thực hiện năm 2025.

Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27 tháng 12 năm 2024 về quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước.

Thông tư này quy định việc xác định nhiệm vụ; tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ; kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp tỉnh (bao gồm: đề án khoa học, đề tài KH&CN, dự án sản xuất thử nghiệm, dự án KH&CN), cấp cơ sở (bao gồm: đề tài KH&CN, dự án KH&CN) sử dụng ngân sách nhà nước thuộc trách nhiệm quản lý của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

Đối tượng áp dụng: Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

(1) Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước:

Yêu cầu đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh:

Yêu cầu chung:

- Có tính cấp thiết, có tầm quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong phạm vi tỉnh, nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ của tỉnh;
- Không trùng lặp với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đã và đang thực hiện trên địa bàn tỉnh. Đối với nhiệm vụ kế tiếp hướng nghiên cứu đã có, mô hình ứng dụng cần nhân rộng, nêu rõ kết quả đạt được ở giai đoạn trước và những vấn đề tồn tại cần tiếp tục giải quyết.

Yêu cầu riêng đối với đề án khoa học cấp tỉnh:

Kết quả của đề án phải cung cấp được luận cứ khoa học và thực tiễn để đề xuất cơ

☞ chế, chính sách, pháp luật, quy trình phục vụ việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

Yêu cầu riêng đối với đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh:

- Đề tài trong lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ: sản phẩm dự kiến tạo ra có triển vọng nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả; hoặc được hoàn thành ở dạng mẫu (vật liệu, thiết bị, máy móc, dây chuyền công nghệ, giống cây trồng, giống vật nuôi); hoặc có phương án khả thi để chuyển sang giai đoạn sản xuất thử nghiệm.

- Đề tài trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn: có tính mới, kết quả nghiên cứu bảo đảm tạo ra luận cứ khoa học, giải pháp kịp thời cho việc giải quyết vấn đề thực tiễn đặt ra trong hoạch định và thực hiện các định hướng, nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng hệ thống chính trị của tỉnh.

- Đề tài trong các lĩnh vực khác: sản phẩm khoa học và công nghệ bảo đảm tính mới, tính tiên tiến và có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội của tỉnh.

Yêu cầu riêng đối với dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh:

Sử dụng công nghệ hoặc kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền đánh giá, nghiệm thu, kiến nghị triển khai áp dụng hoặc kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích. Tổ chức chủ trì có khả năng huy động được nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện (nếu có).

Yêu cầu đối với dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh:

Giải quyết các vấn đề về ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ có tác động nâng cao trình độ công nghệ và góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Yêu cầu khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định (nếu có).

Tổ chức xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước gồm các nội dung:

Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; tổ chức đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đặt hàng.

Tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh gồm các nội dung:

Nguyên tắc tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; thông báo tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; điều kiện tham gia tuyển chọn; hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ; Hội đồng tư vấn tuyển chọn, Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ và Tổ chuyên gia; tổ chức phiên họp Hội đồng tuyển chọn; tổ chức phiên họp Tổ thẩm định kinh phí; phê duyệt kết quả tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ; lưu giữ, quản lý hồ sơ và công khai thông tin; hủy kết quả tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ; phê duyệt thuyết minh và ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và chấm dứt hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh gồm các nội dung:

Kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; xử lý kết quả kiểm tra, đánh giá nhiệm vụ ☞

☞ vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; chấm dứt hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh gồm các nội dung:

Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; yêu cầu đánh giá của Hội đồng nghiệm thu; nội dung đánh giá, thang điểm đánh giá, xếp loại nhiệm vụ; nguyên tắc chấm điểm và xếp loại đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; phiên họp Hội đồng nghiệm thu; xử lý kết quả đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; đăng ký, lưu giữ, cập nhật thông tin nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước thuộc danh mục bí mật nhà nước.

(2) Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước:

Yêu cầu đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước:

Yêu cầu chung: phù hợp với định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đơn vị; giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ của chính cơ quan, tổ chức thuộc tỉnh/thành phố; có tính tiên tiến, khả thi, hiệu quả, phục vụ phát triển ngành, lĩnh vực tại địa phương.

Yêu cầu đối với đề tài: đáp ứng yêu cầu về cơ sở khoa học và thực tiễn, giải pháp khoa học và công nghệ phục vụ công tác quản lý, yêu cầu phát triển của các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong tỉnh/thành phố.

Yêu cầu đối với dự án: giải quyết được những vấn đề về ứng dụng, chuyển giao công nghệ, quy trình sản xuất, mô hình tiên tiến phục vụ phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; nâng cao trình độ công nghệ của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong tỉnh/thành phố.

Yêu cầu đối với tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước:

Yêu cầu đối với tổ chức chủ trì: Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở) đáp ứng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11 Thông tư này.

Yêu cầu đối với cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ: cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở phải đáp ứng quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 11 Thông tư này.

Ngoài ra còn các quy định về: Xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở; hồ sơ tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở; Hội đồng tư vấn tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở; phê duyệt kết quả tuyển chọn tổ chức chủ trì, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở; phê duyệt thuyết minh nhiệm vụ và ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở; kiểm tra, đánh giá, chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở; đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

Tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập gồm các nội dung:

Tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập; trách nhiệm của tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập; lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập ■

KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2025 CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI

✍ NGUYỄN TÚ

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 04/12/2024 về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2025 tỉnh Quảng Ngãi.

Theo đó, nội dung và nhiệm vụ của Kế hoạch gồm:

1. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính:

- Xây dựng, tham mưu ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh năm 2025.

- Tổ chức chấm điểm xác định Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) năm 2024 của tỉnh theo quy định.

- Đẩy mạnh, khuyến khích công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị, địa phương mạnh dạn đề xuất các sáng kiến, giải pháp mới trong công tác cải cách hành chính góp phần phục vụ tốt hơn cho người dân, doanh nghiệp; ưu tiên xét, công nhận các sáng kiến trong cải cách hành chính có hiệu quả ứng dụng thiết thực, phạm vi ảnh hưởng toàn tỉnh phục vụ công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh.

- Thực hiện kiểm tra công tác cải cách hành chính nhằm đôn đốc, hướng dẫn trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.



- Tham mưu tổ chức Đoàn đi nghiên cứu, học tập kinh nghiệm về cải cách hành chính ở trong nước và nước ngoài.

- Triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính năm 2026 tỉnh Quảng Ngãi.

- Xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030.

2. Cải cách thể chế:

- Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác soạn thảo, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND và UBND các cấp trên địa bàn tỉnh, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 24/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh nhằm tạo môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi để thu hút đầu tư.

- Tập trung xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của địa phương được giao quy định chi tiết tại các luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định 34/2022/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh

☞ ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Thực hiện rà soát, lập Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp ban hành đã hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần định kỳ hằng năm để thực hiện công bố theo quy định tại Điều 38 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 59/2024/NĐ-CP và Điều 157 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 34 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật ở địa phương; tăng cường công tác phối hợp, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

- Thường xuyên đổi mới hình thức, nội dung tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật, đặt trọng tâm vào các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản quy phạm pháp luật. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

3. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

- Xây dựng, tham mưu ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC; Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC; Kế hoạch truyền thông về công tác kiểm soát TTHC; Kế hoạch kiểm tra công tác kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện việc rà soát, đánh giá TTHC để kiến nghị, đề xuất loại bỏ các TTHC rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức; cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục không cần thiết.

- Triển khai thực hiện thống kê, công bố, công khai TTHC nội bộ; tổ chức rà

soát, đề xuất, phê duyệt và thực thi phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ theo quy định tại Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025, hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

- Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp và công khai kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử và danh sách cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan, đơn vị để xảy ra chậm trễ theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thường xuyên thống kê, cập nhật để thực hiện công bố danh mục TTHC mới ban hành, TTHC sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế và TTHC bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã; xây dựng quy trình điện tử giải quyết TTHC trên phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

- Thực hiện niêm yết và đăng tải công khai, minh bạch TTHC dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức tìm hiểu và thực hiện.

- Nhập, tích hợp dữ liệu, đăng tải công khai TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

- Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách TTHC và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục



☞ vụ người dân, doanh nghiệp và Chỉ thị số: 27/CT-TTg ngày 27/10/2023, 16/CT-TTg ngày 20/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC tỉnh và Bộ phận Một cửa ở các địa phương, bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản hóa các thủ tục, nâng cao mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân; triển khai thực hiện tiêu chí đánh giá công nhận Bộ phận Một cửa kiểu mẫu cấp xã, phường, thị trấn.

- Triển khai, tổ chức đánh giá mức độ hài lòng trong việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

- Triển khai thực hiện số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC, thực hiện khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 và Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

- Đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến; thực hiện chuyển đổi số gắn với cải cách TTHC và Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Niêm yết, đăng tải đầy đủ, rõ ràng bảng thông báo hướng dẫn tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính tại trụ sở cơ quan, tại Bộ phận Một cửa các cấp và trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, Cổng/Trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành và địa phương.

- Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về cơ chế, chính sách, TTHC trên cổng Dịch vụ công quốc gia và các hình thức khác, tạo điều kiện tháo

gỡ khó khăn, vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp; tránh để trường hợp phản ánh, kiến nghị kéo dài, vượt cấp.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát, thanh tra gắn với nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương và người đứng đầu trong triển khai thực hiện cải cách TTHC ở địa phương, đơn vị.

4. Cải cách tổ chức bộ máy:

- Thường xuyên rà soát, bổ sung, ban hành lại chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện theo hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương.

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ.

- Thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định của Chính phủ.

- Tiếp tục rà soát, trình cấp có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp trên một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định của Trung ương.

- Triển khai đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Triển khai thực hiện đo lường mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ giáo dục công lập.

5. Cải cách chế độ công vụ:

- Thường xuyên rà soát, xây dựng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt bổ sung, điều chỉnh Đề án vị trí việc làm các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức thuộc danh mục định ☞

☞ kỳ chuyển đổi theo quy định tại Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.

- Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2025 phù hợp với yêu cầu và tình hình thực tiễn của tỉnh; tập trung bồi dưỡng các kỹ năng chuyên sâu về quản lý nhà nước, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành theo tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức.

- Xây dựng Kế hoạch tuyển dụng công chức năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị, địa phương phù hợp với vị trí việc làm, đảm bảo minh bạch, công bằng, khách quan đúng quy định pháp luật.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo Chỉ thị số 35/CT-TTg ngày 17/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về xử lý cán bộ, công chức, viên chức và chiến sĩ trong lực lượng vũ trang vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn; không hợp tác với lực lượng chức năng trong xử lý vi phạm; Quyết định số 48/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh, Chỉ thị số 31-CT/TU ngày 13/6/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương không dùng bia, rượu trong buổi trưa của các ngày làm việc, Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 10/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Quảng Ngãi.

6. Cải cách tài chính công:

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ giai đoạn 2023-2025; tham mưu triển khai xây dựng phương án tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ

chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2026-2030; thực hiện cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập khi đủ điều kiện.

- Tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025.

- Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách địa phương năm 2025 đảm bảo theo quy định.

- Xây dựng dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2026 và Kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm 2026-2028.

7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số:

- Tham mưu ban hành Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2025.

- Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ cho hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2025-2027.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2026.

8. Nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI):

- Kế hoạch hành động thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025.

- Tổ chức Hội nghị đối thoại của lãnh đạo tỉnh với doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh nhằm kịp thời chỉ đạo xử lý, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, nhà đầu tư trong quá trình hoạt động.

- Thực hiện nhiệm vụ cải thiện, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) thuộc lĩnh vực Công thương ■

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ GIAI ĐOẠN 2024 - 2025

MAI NGỌC

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1437/QĐ-TTg ngày 20/11/2024 về Kế hoạch hành động quốc gia về phát triển kinh tế số giai đoạn 2024 - 2025.

Mục tiêu của Kế hoạch là thúc đẩy phát triển kinh tế số nhằm đạt được các mục tiêu đề ra tại Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Chiến lược). Trong đó, xác định không gian tăng trưởng chủ yếu của kinh tế số Việt Nam là phát triển kinh tế số theo ngành, lĩnh vực; từng bước đưa công nghệ số và dữ liệu số trở thành yếu tố đầu vào quan trọng của các hoạt động sản xuất, kinh doanh trong từng ngành, lĩnh vực, từ đó nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh tổng thể của nền kinh tế.

Theo đó các nhiệm vụ và giải pháp cần thực hiện gồm:

1. Phát triển kinh tế số ICT

Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin trở thành ngành công nghiệp nền tảng để thúc đẩy kinh tế số. Doanh nghiệp công nghệ số mạnh là lực lượng sản xuất tiên tiến để phát triển kinh tế số ICT và thúc đẩy kinh tế số ngành, lĩnh vực.



(Ảnh minh họa - nguồn internet)

Phát triển hạ tầng số, hạ tầng di động băng rộng hướng tới phổ cập và nâng cao chất lượng kết nối. Tiếp tục rà soát, lập danh sách các thôn lốm sóng mới và triển khai phủ sóng toàn bộ các thôn lốm sóng còn lại;

Phát triển hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ, trọng tâm là các nền tảng: Định danh số; xác thực số; thanh toán số, hóa đơn số; tích hợp, chia sẻ dữ liệu; xác thực văn bản số; chữ ký số và chứng thực chữ ký số để cung cấp hạ tầng mềm cho người dân và doanh nghiệp thực hiện các chức năng cốt lõi của giao dịch số thúc đẩy tiêu dùng các sản phẩm và dịch vụ trên môi trường số;

Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định tại Nghị định số 154/2013/NĐ-CP của Chính phủ để tạo điều kiện phát triển các khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung, tạo không gian phát triển cho doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ số, đặc biệt tại các địa phương có nguồn nhân lực công nghệ thông tin tốt, hạ tầng năng lượng xanh, tái tạo và có điều kiện khí hậu, hạ tầng giao thông thuận tiện.

2. Phát triển dữ liệu số

Đẩy nhanh mức độ sẵn sàng của các bộ dữ liệu chất lượng cao và thúc đẩy lưu thông, chia sẻ, mở dữ liệu

Xây dựng, ban hành quy định danh mục cơ sở dữ liệu của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bao gồm các nội dung:

Tên cơ sở dữ liệu; mục đích, phạm vi, nội dung của từng cơ sở dữ liệu; cơ chế thu thập, cập nhật, nguồn dữ liệu được thu thập của từng cơ sở dữ liệu; liệt kê các hạng mục dữ liệu bao gồm dữ liệu mở và dữ liệu được chia sẻ.

Thúc đẩy việc mở dữ liệu, tích hợp, tái sử dụng, lưu thông dữ liệu và cải thiện hiệu quả nhờ đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu.

Nghiên cứu cập nhật tiêu chuẩn quốc gia về chất lượng dữ liệu; nghiên cứu, đề xuất áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát “sandbox” cho việc xác lập quyền sở hữu, quản lý, xử lý, phân phối dữ liệu.

Nghiên cứu và triển khai thí điểm các kịch bản khai thác, sử dụng dữ liệu và phát triển các ứng dụng số.

Xây dựng Đề án thí điểm sàn giao dịch dữ liệu để đưa dữ liệu vào lưu thông trên thị trường; nghiên cứu và triển khai các kịch bản và ứng dụng điển hình về khai thác, sử dụng dữ liệu phục vụ phát triển ngành, lĩnh vực bảo đảm tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Định kỳ đánh giá chất lượng dữ liệu bảo đảm “đúng, đủ, sạch, sống”

Các bộ, ngành, địa phương thực hiện các hoạt động quản trị dữ liệu bao gồm: (i) Kiểm kê, báo cáo hiện trạng dữ liệu hàng năm và đánh giá chất lượng đối với danh mục dữ liệu; (ii) Đánh giá tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định về dữ liệu; (iii) Đánh giá chất lượng dữ liệu bao gồm: Tính chính xác, toàn vẹn, đầy đủ, sẵn có, kịp thời, có thể kiểm kê, có giá trị sử dụng và đơn nhất của dữ liệu, dữ liệu bất thường; (iv) Đánh giá về duy trì, vận hành, cập nhật dữ liệu, nhật ký cập nhật, khai thác của dữ liệu.

3. Phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực

a) Nhiệm vụ chung

Chuyển đổi số tất cả các ngành, lĩnh vực, trọng tâm là các doanh nghiệp, tạo động lực tăng trưởng mới dựa trên dữ liệu, công nghệ

số và đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực quản trị, quản lý vận hành hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, quản trị hoạt động của các doanh nghiệp, tạo ra các mô hình kinh doanh mới. Thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số.

Ưu tiên tập trung vào một số ngành, lĩnh vực trọng điểm mà Việt Nam có tiềm năng lớn và dư địa phát triển kinh tế số gồm: Thương mại bán buôn, bán lẻ; Nông nghiệp; Công nghiệp chế biến, chế tạo; Du lịch; Logistics.

Ban hành bộ tiêu chí đo lường về mức độ chuyển đổi số trong lĩnh vực ưu tiên; định kỳ cập nhật các tiêu chí đo lường mức độ chuyển đổi số phù hợp thực tế phát triển và đưa ra các giải pháp thúc đẩy mức độ chuyển đổi số gắn với các tiêu chí đo lường;

Thí điểm chính sách đột phá, tập trung vào các ngành, lĩnh vực kinh tế số trọng điểm. Xây dựng cơ sở dữ liệu, kho dữ liệu và tăng cường mở dữ liệu để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong các ngành, lĩnh vực. Mạnh dạn tìm tòi, thử nghiệm, tăng cường đổi mới mô hình kinh tế số, kịp thời tổng kết kinh nghiệm thực tiễn có thể phổ cập, nhân rộng các mô hình thành công;

Ban hành các chính sách, quy định để thúc đẩy các tổ chức, doanh nghiệp, người dân... sử dụng nền tảng số để đáp ứng yêu cầu chuyển dịch hoạt động từ môi trường thực lên môi trường số;

Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ số xây dựng nền tảng số dùng chung trong từng ngành, lĩnh vực ưu tiên, nền tảng số toàn diện đa ngành và đa lĩnh vực, hệ sinh thái ứng dụng số đa dạng trên nền tảng số. Xây dựng các nội dung đào tạo kỹ năng số trên nền tảng số để cung cấp miễn phí các kiến thức, kỹ năng số cơ bản cho người dân;

Tổ chức các hoạt động hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá, chứng nhận về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng cho các

☞ nền tảng số và các ứng dụng số trong các ngành, lĩnh vực. Yêu cầu các nền tảng số, ứng dụng số tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng trước khi đưa vào sử dụng và trong quá trình vận hành, khai thác tạo dựng niềm tin của người tiêu dùng trong các giao dịch trực tuyến;

Xây dựng cơ sở dữ liệu; đo lường, công bố tăng trưởng kinh tế số, tỷ trọng các sản phẩm, dịch vụ mới của các ngành, lĩnh vực; mở dữ liệu ngành, lĩnh vực để đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế - xã hội.

b) Nhiệm vụ cụ thể

Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực thương mại bán buôn, bán lẻ thông qua chuyển đổi mô hình hoạt động của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cửa hàng trong lĩnh vực bán buôn, bán lẻ dựa trên công nghệ số và dữ liệu số.

Thúc đẩy sử dụng các nền tảng chuyển đổi số doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cửa hàng trong lĩnh vực bán buôn, bán lẻ, tạo kênh tiêu dùng và các mô hình kinh doanh mới kích cầu trên môi trường số;

Xây dựng kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, nhằm tăng cường tiêu thụ cho sản phẩm Việt Nam cả trong và ngoài nước thông qua thương mại điện tử.

c) Phát triển kinh tế số lĩnh vực nông nghiệp tập trung chú trọng vào nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế.

Tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu và kho dữ liệu về nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác. Tăng cường mở dữ liệu để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, kết nối nông dân với người mua trên toàn quốc;

Phát triển và thúc đẩy sử dụng nền tảng dữ liệu số nông nghiệp, nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản.

d) Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo theo hướng ứng dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại để thực hiện chuyển đổi các nhà máy trở thành các nhà máy thông minh phù hợp với xu hướng phát triển xanh trên thế giới.

Xây dựng khung kiến trúc về chuyển đổi số và phát triển sản xuất thông minh nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tự đánh giá mức độ sẵn sàng về chuyển đổi số và sản xuất thông minh, đồng thời giúp doanh nghiệp có thể nhận biết và định hướng lộ trình thực hiện;

Phát triển và thúc đẩy sử dụng các nền tảng chuyển đổi số nhà máy thông minh;

Ứng dụng công nghệ số và kết nối các khu công nghiệp, khu chế xuất hình thành các cụm liên kết ngành công nghiệp và kết nối toàn chuỗi giá trị ngành công nghiệp.

đ) Phát triển kinh tế số du lịch theo hướng ứng dụng công nghệ nhằm tối ưu hóa hoạt động quản trị, vận hành, khai thác, kinh doanh của các cơ sở lưu trú du lịch, các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành, các khu du lịch, điểm du lịch, khu vui chơi, giải trí, các danh lam thắng cảnh, các khu bảo tồn di sản văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc.

Hình thành cơ sở dữ liệu và kho dữ liệu về cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch theo thời gian thực để giải quyết vấn đề phân phối, kinh doanh hiệu quả trên các kênh số thông qua mạng lưới đại lý du lịch trực tuyến trong và ngoài nước. Tăng cường mở dữ liệu để thúc đẩy đổi mới sáng tạo phát triển mô hình kinh tế chia sẻ, mang lại cơ hội cho người dân tham gia nhiều hơn vào cung cấp dịch vụ du lịch, tạo công ăn việc làm, thúc đẩy phát triển kinh tế số;

Xây dựng cơ sở dữ liệu và kho dữ liệu về khách du lịch, hành vi tiêu dùng của khách du lịch; tăng cường mở dữ liệu về các chương trình du lịch, tài nguyên du lịch ☞

☞ phục vụ việc khai thác sử dụng chung để phát triển du lịch;

Phát triển và thúc đẩy sử dụng nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch.

e) Phát triển kinh tế số lĩnh vực logistics theo hướng ứng dụng công nghệ nhằm tối ưu chi phí logistics toàn trình, xuyên suốt toàn bộ quá trình vận chuyển hàng hóa từ các cảng biển, cửa khẩu, kho - bãi - cảng tới tận tay người tiêu dùng và ngược lại.

Tổ chức thực hiện việc thu thập, phát triển, tăng cường kết nối, trao đổi, mở dữ liệu về logistics và chuỗi cung ứng, đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng về giao nhận - kho vận và logistics của người dân,

doanh nghiệp;

Phát triển và thúc đẩy sử dụng nền tảng cảng biển số, nền tảng quản trị và kinh doanh vận tải.

4. Quản trị số

Triển khai thí điểm ở các bộ, ngành, địa phương sau đó nhân rộng các nền tảng trợ lý ảo hỗ trợ cán bộ, công chức trong xây dựng văn bản pháp luật, thực thi công vụ; hỗ trợ người dân về các vấn đề pháp lý và các trợ lý ảo khác.

Hoàn thiện mô hình điều hành dựa trên dữ liệu qua Trung tâm Điều hành Thông minh (IOC) để phổ biến cho các địa phương ■

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2025
CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

✍ NGUYỄN DUNG

UBND tỉnh có Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025. Theo đó, Sở Khoa học và Công nghệ được giao thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025, cụ thể như sau:

1. Nghiên cứu khoa học và công nghệ: Tổng số đề tài: 14; trong đó, cấp nhà nước: 01 đề tài, cấp tỉnh: 13 đề tài.

2. Sở hữu trí tuệ: Hướng dẫn doanh nghiệp đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp: 45 lượt.

3. An toàn bức xạ: Hướng dẫn thủ tục cấp phép sử dụng thiết bị X quang y tế: 14 lượt.

4. Tập huấn: Tập huấn nghiệp vụ tiêu chuẩn đo lường chất lượng nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp: 02 lần; Tập huấn phổ biến văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ: 01 lớp.

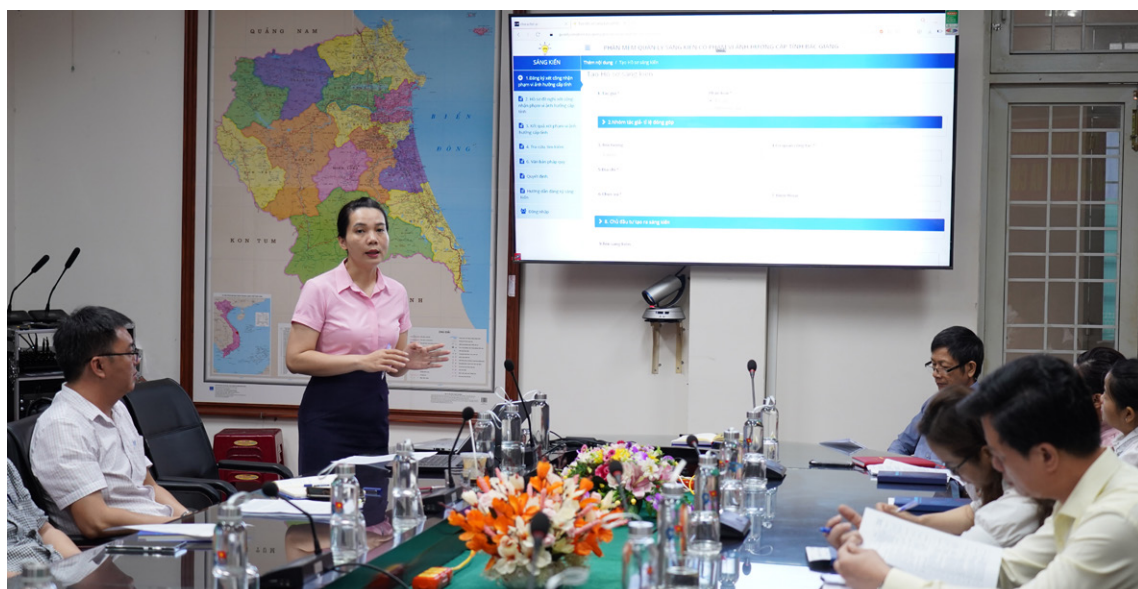
5. Phổ biến, chuyển giao kết quả đề tài, dự án khoa học và công nghệ: Tổ chức Hội nghị Phổ biến, chuyển giao kết quả đề tài, dự án khoa học và công nghệ: 5 Hội nghị.

6. Công tác quản lý tiêu chuẩn đo lường chất lượng: Khảo sát chất lượng sản phẩm hàng hóa lưu thông trên thị trường: 15 mẫu sản phẩm; Kiểm định phương tiện đo các loại 8.000 PTĐ; Kiểm nghiệm mẫu sản phẩm 650 mẫu.

7. Hoạt động Thông tin và Ứng dụng khoa học và công nghệ: Xuất bản tập san thông tin Khoa học Công nghệ 6 số; Chuyên mục Khoa học, Công nghệ và đời sống trên sóng truyền hình 12 số; Chuyên mục Khoa học, Công nghệ và đời sống trên sóng phát thanh 12 số; Chuyên mục Khoa học, Công nghệ và đời sống trên Báo Quảng Ngãi 12 số ■

KẾT QUẢ CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2024

CẨM HỒNG



Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội nghị chuyển đổi số năm 2024.

Năm 2024, Sở Khoa học và Công nghệ đã triển khai công tác chuyển đổi số với các nhiệm vụ trọng tâm nhằm thực hiện tốt kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh và thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số của đơn vị.

Trong năm, Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) đã ban hành Quyết định, Kế hoạch về chuyển đổi số gồm: Quyết định số 241/QĐ-SKHCN ngày 20/12/2023 về việc phân công công chức, viên chức kiêm nhiệm nhiệm vụ chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng Sở KH&CN; Quyết định số 14/QĐ-SKHCN ngày 22/01/2024 ban hành Quy chế bảo đảm an toàn, an ninh mạng Hệ thống thông tin mạng LAN phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, hoạt động nội bộ Sở KH&CN; Kế hoạch số 575/KH-SKHCN ngày 29/3/2024 Chuyển đổi số năm 2024; Kế hoạch số 581/KH-SKHCN ngày 29/3/2024 về việc Truyền thông về Chuyển đổi số năm 2024; đồng thời ban hành Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số Sở KH&CN năm 2024: Kế hoạch số 1359/KH-SKHCN ngày 04/7/2024.

Phát triển hạ tầng số

Sở ban hành Phát triển Hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 của Sở (Kế hoạch số 1160/KH-SKHCN ngày 05/7/2023) bám sát Kế hoạch số 194/KH-UBND ngày 16/12/2022 của UBND tỉnh về Kế hoạch phát triển Hạ tầng số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030. Triển khai, sử dụng các nền tảng số dùng chung như: nền tảng số quản trị tổng thể phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước; nền tảng họp trực tuyến; nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước; nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp; nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức; nền tảng Cổng dữ liệu mở; nền tảng dữ liệu không gian dùng chung của tỉnh... Duy trì và đảm bảo kết nối thông suốt mạng truyền số liệu chuyên dùng 04 cấp từ Trung ương đến cấp xã; sử dụng đồng bộ, tập trung các dịch vụ cung cấp trên mạng truyền số liệu chuyên dùng. Triển khai

☞ nền tảng thanh toán trực tuyến theo hướng mở rộng, đa dạng hình thức thanh toán và các giao dịch dân sự.

Bồi dưỡng, phát triển nhân lực

Sở ban hành Quyết định số 275/QĐ-SKHCN ngày 28/12/2023 về phê duyệt danh sách công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm tham mưu triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng tại các phòng, đơn vị thuộc Sở; công chức, viên chức chuyên trách/kiêm nhiệm chuyển đổi số 32 người, chuyên trách/kiêm nhiệm an toàn thông tin 31 người. 28 lượt công chức, viên chức tham gia đào tạo, tập huấn về Chuyển đổi số, an toàn an ninh mạng.

Dữ liệu số

Sở sử dụng các Hệ thống dùng chung của tỉnh; các nền tảng số dùng chung để quản lý điều hành và cung cấp dịch vụ công. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) tỉnh đã kết nối, tích hợp dữ liệu với các Cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin Trung ương để tiếp nhận, giải quyết các TTHC, khai thác dữ liệu. Triển khai số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực như: Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở 144/144 hồ sơ (đạt 100%).

An toàn thông tin mạng

Sở tiếp tục nâng cấp và đầu tư đồng bộ hệ thống trang thiết bị công nghệ thông tin (CNTT), mạng LAN và kết nối sử dụng Internet băng thông rộng trong toàn bộ cơ quan, nhằm đảm bảo điều kiện hạ tầng kỹ thuật đáp ứng triển khai các ứng dụng CNTT phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử; Hệ thống mạng LAN cơ quan Sở đã được Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định và phê duyệt cấp độ an toàn thông tin - cấp độ 2; ban hành Phương án Ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn thông tin Hệ thống mạng LAN cơ quan Sở; Hệ thống mạng

LAN của Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ KHCN được Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định và phê duyệt cấp độ an toàn thông tin - cấp độ 1; ban hành Phương án Ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn thông tin Hệ thống mạng LAN Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ KHCN; ban hành Quy chế bảo đảm an toàn, an ninh mạng Hệ thống thông tin mạng LAN phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, hoạt động nội bộ Sở; Quy chế bảo đảm an toàn, an ninh mạng Hệ thống thông tin nội bộ của Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ KHCN. Tất cả các máy tính được trang bị, cài đặt phần mềm diệt virus có bản quyền cho hệ thống máy tính của cơ quan nhằm bảo đảm an toàn, an ninh thông tin của Sở.

Chính phủ số

Sở tiếp tục đẩy mạnh xây dựng Chính quyền điện tử và hướng tới Chính quyền số nhằm nâng cao công tác chỉ đạo, điều hành, hoạt động của các phòng, ban, đơn vị gắn chặt với cải cách hành chính (CCHC); đổi mới lề lối, phương thức làm việc, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm để phục vụ; nâng cao chất lượng cung cấp và giải quyết TTHC trên môi trường điện tử, cung cấp 28 dịch vụ công trực tuyến (trong đó 25 dịch vụ công trực tuyến toàn trình) trên hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh và Cổng dịch vụ công Quốc gia.

Thực hiện báo cáo định kỳ công tác kiểm soát TTHC và cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Phục vụ Kiểm soát TTHC, VNPT Quảng Ngãi khai thác, sử dụng phần mềm Cổng dịch vụ công - Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh phiên bản 2.0. Cổng thông tin điện tử thành phần Sở và Trang thông tin điện tử khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh tuân thủ các quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và ☞

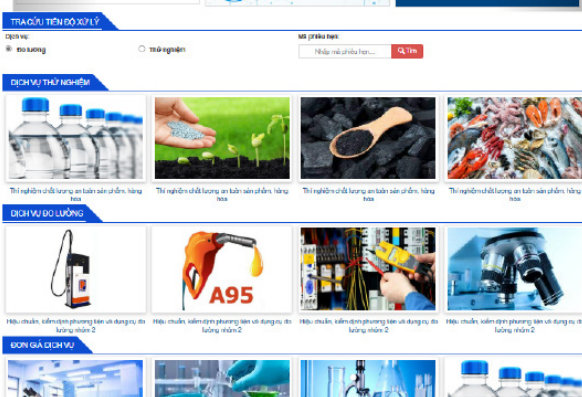


Phần mềm thư viện số KH&CN.

dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

Triển khai vận hành phần mềm thư viện số KH&CN với tên miền <https://thuvienkhcn.quangngai.gov.vn/>. Cập nhật thông tin các đề tài dự án đang triển khai trong năm, kết quả nghiệm thu, kết quả ứng dụng từ năm 2018 đến nay. Cập nhật thông tin về tổ chức KHCN, Doanh nghiệp KHCN, Thông tin về sách KH&CN, phim KH&CN, tài liệu về KH&CN... Phần mềm được xây dựng trên nền tảng web, đơn giản trong sử dụng và thích ứng các thiết bị hiển thị khác nhau; cơ sở dữ liệu phần mềm được quản lý tập trung, các thao tác tương tác đến phần mềm như tra cứu thông tin, quản lý thông tin được thực hiện qua mạng Internet. Bên cạnh đó, phối hợp Trung tâm công nghệ Thông tin và Truyền thông bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện các chức năng của Phần mềm quản lý tiêu chuẩn và đo lường chất lượng với tên miền: <https://doluongthunghiem.quangngai.gov.vn> để phục vụ công tác quản lý, thực hiện dịch vụ kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng, nâng cao năng lực quản lý, phục vụ tốt hơn cho tổ chức, công dân và doanh nghiệp.

Tiếp tục triển khai vận hành phần mềm iOffice vào hoạt động của cơ quan đáp ứng



Phần mềm quản lý tiêu chuẩn và đo lường chất lượng.

nhệm vụ theo yêu cầu công tác và phát huy hiệu quả trong quản lý văn bản, điều hành nội bộ, tiết kiệm thời gian, chi phí in ấn tài liệu, lưu trữ tìm kiếm văn bản thuận tiện trong trao đổi thông tin công việc, quản lý, chỉ đạo, điều hành của Sở; triển khai mạng LAN và mạng internet đáp ứng nhu cầu trao đổi thông tin nhanh chóng, chính xác. Tăng cường trao đổi thông tin qua hộp thư điện tử của UBND tỉnh; Trang thông tin điện tử được xây dựng và đi vào hoạt động phục vụ cho công tác quản lý và điều hành và hoạt động của Sở.

Có thể thấy rằng, công tác chuyển đổi số trong năm qua được Sở tích cực triển khai và qua đó nâng cao hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành cũng như hoạt động của Sở; góp phần thúc đẩy chuyển đổi số của cơ quan và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh ■

HOẠT ĐỘNG THANH TRA, KIỂM TRA KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2024

✍ HƯỜNG NGUYỄN

Trong năm 2024, hoạt động thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh đã hoàn thành các nhiệm vụ của năm; đảm bảo về công tác quản lý nhà nước và việc tuân thủ các quy định của pháp luật ở các cơ sở sản xuất, kinh doanh.



Thanh tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh.

Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) đã thực hiện 08 cuộc thanh tra, kiểm tra theo nhiệm vụ được giao trong năm. Trong đó có 01 cuộc thanh tra chuyên đề về thực hiện công vụ của cán bộ, công chức theo chỉ đạo của UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh; 04 cuộc thanh tra (03 cuộc thanh tra chuyên ngành và 01 cuộc thanh tra hành chính) theo Kế hoạch thanh tra đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt và 03 cuộc kiểm tra đã được Giám đốc Sở phê duyệt. Tổng số đối tượng được thanh tra là 53 cơ sở; tổng số phương tiện đo đã kiểm tra là 101 cột đo xăng dầu (PTĐ), 21 cân phân tích; tổng số PTĐ,



Kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, nhãn hàng hoá và sở hữu công nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ trên địa bàn tỉnh.

mẫu vàng trang sức mỹ nghệ được kiểm tra về đo lường là 32 PTĐ và 37 mẫu vàng trang sức mỹ nghệ; tổng số mẫu xăng dầu, vàng trang sức mỹ nghệ và thiết bị điện, điện tử được lấy để thử nghiệm chất lượng là 13 mẫu xăng dầu, 31 mẫu vàng trang sức mỹ nghệ và 02 mẫu dây cáp điện; tổng số nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ được kiểm tra là 35 nguồn và 20 máy phát tia X.



Kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đo lường, ghi nhãn hàng hóa đối với hàng đóng gói sẵn.

Kết quả thử nghiệm chất lượng xăng dầu cho thấy có 13/13 mẫu xăng dầu có các chỉ tiêu được thử nghiệm phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu diesel và nhiên liệu sinh học QCVN 1:2022/BKHCN (đạt 100%); 31 mẫu vàng có chất lượng (hàm lượng vàng) phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng (đạt 100%); 02 mẫu dây cáp điện, trong đó 01/02 mẫu có chất lượng các chỉ tiêu được thử nghiệm phù hợp với QCVN 4:2009/BKHCN và sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đối với thiết bị điện và điện tử, 01/02 mẫu không thử nghiệm được chất lượng vì không có phương pháp thử. Tổng số cơ sở vi phạm hành chính bị xử phạt là 02 (01 tổ chức, 01 cá nhân) và tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính là 3.000.000 đồng.

Trong năm, Sở đã cử công chức tham gia Đoàn

kiểm tra liên ngành thực hiện kiểm tra chấp hành quy định hóa đơn điện tử theo từng lần bán hàng tại các cửa hàng bán lẻ xăng dầu đối với doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu của Cục thuế tỉnh; phối hợp tham gia Đoàn kiểm tra nhà nước về đo lường đối với các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh có sử dụng cân ô tô dùng để định lượng hàng hóa trong giao dịch, thanh toán trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Đoàn kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đo lường, ghi nhãn hàng hóa đối với hàng đóng gói sẵn; tham gia Đoàn thanh tra chuyên ngành về sở hữu công nghiệp, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ của Thanh tra Bộ KH&CN.

Qua thanh tra, kiểm tra, các cơ sở sản xuất, kinh doanh đã nâng cao ý thức chấp hành tốt các quy định

pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng, nhãn hàng hóa và sở hữu công nghiệp trong kinh doanh. Tuy nhiên, có 02 cơ sở vi phạm về nhãn hàng hóa trong hoạt động kinh doanh thiết bị điện, điện tử. Đoàn kiểm tra đã lập biên bản vi phạm hành chính và ban hành Quyết định xử phạt đối với các cơ sở có hành vi vi phạm; đồng thời yêu cầu các cơ sở chấn chỉnh sai phạm trong sản xuất, kinh doanh. Bên cạnh đó, các cuộc thanh tra được tiến hành nghiêm túc, đúng quy trình; công tác thanh tra, kiểm tra đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật đến các đối tượng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở, qua đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về KH&CN trên địa bàn tỉnh; giúp các cơ sở trong hoạt động sản xuất, kinh doanh nắm các quy định của pháp luật thuộc các lĩnh vực Sở quản lý.

Có thể nói, hoạt động thanh tra, kiểm tra KH&CN năm 2024 đã hoàn thành kế hoạch được giao và thực hiện nghiêm túc, đảm bảo quy định của pháp luật; góp phần quản lý tốt hoạt động KH&CN của tỉnh, đem lại lợi ích cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh và bảo vệ người tiêu dùng ■

Nâng cao chất lượng hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn các phương tiện đo tại Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ tỉnh Quảng Ngãi

✍ TÍN DŨNG

Đo lường là một lĩnh vực khoa học kỹ thuật chính xác, có vai trò quan trọng đối với các lĩnh vực của đời sống, kinh tế, xã hội cũng như khoa học, an ninh, quốc phòng. Đo lường thống nhất và chính xác góp phần đảm bảo công bằng xã hội, bảo vệ quyền lợi chính đáng của mọi tổ chức, cá nhân trong các giao dịch kinh tế, dân sự; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng, nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa; góp phần nâng cao hoạt động quản lý nhà nước, phát triển kinh tế xã hội và hội nhập quốc tế.

Thực trạng công tác kiểm định, hiệu chuẩn các phương tiện đo

Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ (Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi, được thành lập trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học - công nghệ và Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tại Quyết định số 2298/QĐ-UBND ngày 14/12/2018. Trung tâm có chức năng thực hiện các hoạt động sự nghiệp và dịch vụ kỹ thuật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước và nhu cầu của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Trung tâm đã được Ủy ban Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng Quốc gia Quyết định chỉ định tổ



Nhân viên Trung tâm đang kiểm định đồng hồ nước cho các cá nhân, đơn vị.

chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường theo Quyết định số 827/QĐ-TĐC ngày 23/12/2024 với hoạt động kiểm định gồm 23 phương tiện đo. Cụ thể như sau:

Lĩnh vực đo độ dài: Taximet

Lĩnh vực đo khối lượng: Cân phân tích, cân kỹ thuật, cân bàn, cân đĩa, cân đồng hồ lò xo, cân ô tô, Quả cân.

Lĩnh vực đo dung tích, lưu lượng: Cột đo xăng dầu, Đồng hồ đo nước lạnh cơ khí, Bể đóng cố định kiểu trụ nằm ngang, Phương tiện đo dung tích thông dụng (Ca đóng, Bình đóng, Thùng đóng), Xi téc ô tô.

Lĩnh vực đo áp suất: Huyết áp kế lò xo, Huyết áp kế thủy ngân, Áp kế lò xo.

Lĩnh vực đo điện, điện từ: Công tơ điện xoay chiều

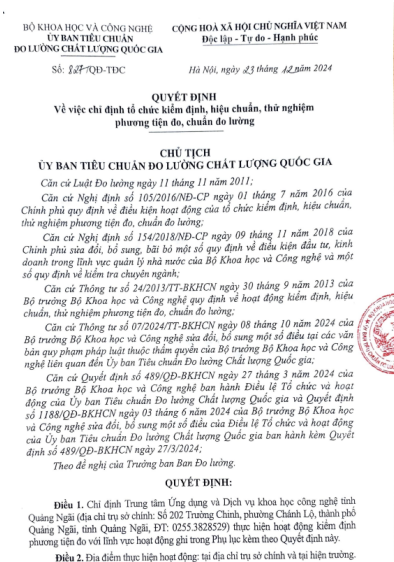
➡ cảm ứng 1 pha, Công tơ điện xoay chiều điện tử 1 pha, Công tơ điện xoay chiều kiểu cảm ứng 3 pha, Công tơ điện xoay chiều kiểu điện tử 3 pha, Phương tiện đo điện tim, Phương tiện đo điện não.

phí, thời gian kiểm định tại các doanh nghiệp, góp phần tăng khả năng cạnh tranh sản phẩm của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, góp phần chung vào phát triển kinh tế xã hội.

TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về Quản lý đo lường trong kinh doanh vàng và quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường. Hệ thống quản lý Chất lượng phòng thí nghiệm được chứng nhận áp dụng theo hệ thống quản lý ISO/IEC 17025:2017.

Trong thời gian qua, Trung tâm đã có nhiều đóng góp tích cực cho công tác quản lý nhà nước về đo lường, ngày càng khẳng định vai trò, uy tín của mình đối với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh lựa chọn để thực hiện dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn các loại phương tiện đo. Với chất lượng dịch vụ ngày càng chính xác, tin cậy, Trung tâm không chỉ góp phần phục vụ đắc lực cho công tác quản lý Nhà nước về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo, mà còn nhận được sự tin tưởng của khách hàng trong và ngoài tỉnh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động kiểm định chất lượng các phương tiện đo còn có những khó khăn, hạn chế như: nhận thức của các tổ chức, cá nhân về đo lường chưa cao, nên chưa chủ động triển khai thực hiện hệ thống bảo đảm đo lường cho chính hoạt động sản xuất, kinh doanh, chưa chủ động đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền xem



Quyết định chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường tại Trung tâm.

Lĩnh vực đo nhiệt độ: Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng
Hàng năm, Trung tâm thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn trên 10.000 phương tiện đo các loại. Năm 2024, kiểm định 17.884 phương tiện đo các loại; trong đó kiểm định đối chứng 10.621 công tơ điện đối với Công ty Điện lực Quảng Ngãi, 2200 đồng hồ đo nước lạnh của Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi trên địa bàn tỉnh. Qua đó giúp doanh nghiệp tăng cường kiểm soát về phương tiện đo kịp thời trong sản xuất, kinh doanh, giảm chi

Ngoài ra, Trung tâm thực hiện đo thử nghiệm tiếp địa chống sét, thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa (thực phẩm, nước uống, phân bón, đất, vàng trang sức mỹ nghệ, đồ chơi trẻ em,...) cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh; được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (nay là Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia) chỉ định thực hiện việc thử nghiệm xác định hàm lượng vàng trang sức, mỹ nghệ bằng phương pháp huỳnh quang tia X theo quy định tại Thông tư số 22/2013/

☞ xét, hỗ trợ triển khai thực hiện bảo đảm đo lường.

Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn các phương tiện đo

Để tăng cường, nâng cao chất lượng kiểm định, hiệu chuẩn các phương tiện đo trên địa bàn tỉnh nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế, đáp ứng ngày càng tốt hơn, trở thành địa chỉ tin cậy trong việc kiểm định chất lượng phương tiện đo của các tổ chức, cá nhân trong thời gian tới, cần có những giải pháp như sau:

Đầu tư chuẩn đo lường và duy trì hệ thống chuẩn đo lường đảm bảo độ chính xác, tính liên kết với chuẩn đo lường quốc gia, phục vụ quản lý nhà nước về đo lường, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và nhu cầu đảm bảo đo lường chính xác cho hoạt động doanh nghiệp, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh;

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động đo lường, kiểm tra đối với phương tiện nhóm 2 đang sử dụng tại các doanh nghiệp, cơ sở, hộ kinh doanh, đặc biệt phương tiện đo trong lĩnh vực y tế, đảm bảo các phương tiện đo luôn được kiểm soát chặt chẽ;

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức

về vai trò, tầm quan trọng hoạt động đo lường trong doanh nghiệp, cá nhân trong các lĩnh vực kinh doanh; tuyên truyền phổ biến pháp luật về đo lường để các tổ chức, cá nhân nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật về lĩnh vực đo lường; tuyên truyền nâng cao ý thức trong việc theo dõi, sử dụng phương tiện đo nhóm 2, nhận thức về ý nghĩa của việc sử dụng phương tiện đo đảm bảo về đo lường đến quyền lợi không chỉ của bản thân mà của cả cộng đồng;

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; đào tạo sử dụng thiết bị, tiếp nhận chuyển giao công nghệ tại các hãng sản xuất và các phòng thí nghiệm trong nước đang sử dụng các thiết bị được đầu tư; trao đổi kinh nghiệm và phối hợp các đơn vị về hoạt động đo lường để nâng cao năng lực đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

Chủ động rà soát thống kê, thu thập dữ liệu các loại phương tiện đo nhóm 2, từ đó chủ động triển khai thực hiện kiểm định đảm bảo chính xác đúng định kỳ theo quy định, cơ sở kinh doanh sử dụng cân các loại, cơ sở y tế...

Bổ sung, mở rộng năng lực trong hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, phục

vụ có hiệu quả cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, cũng như sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ tại địa phương.

Nâng cao chất lượng phục vụ của hoạt động dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo. Thường xuyên kiểm tra, rà soát hoạt động kiểm định phương tiện đo nhằm đảm bảo hoạt động kiểm định luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định, quy trình.

Với đội ngũ cán bộ trẻ, tràn đầy nhiệt huyết, tận tâm với công việc, đây là điều kiện để Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ triển khai nhiều hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo, khẳng định uy tín, thương hiệu và nâng tầm vị thế của đơn vị đối với các đối tác. Trong thời gian tới Trung tâm sẽ tiếp tục phát huy vai trò của đơn vị trong công tác kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phục vụ công tác quản lý Nhà nước bảo vệ quyền lợi cho người tiêu dùng, tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa tổ chức kiểm định và tổ chức sử dụng phương tiện đo để đảm bảo đúng pháp luật và khách quan, công bằng, góp phần giúp ngành khoa học và công nghệ tỉnh quản lý tốt công tác đo lường trên địa bàn tỉnh ■

TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG ĐO LƯỜNG TẠI DOANH NGHIỆP

ĐĂNG NGUYỄN

Đảm bảo hoạt động đo lường góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước và là công cụ đắc lực góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp.

Thực hiện Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 phê duyệt “Đề án tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường để hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” (viết tắt là Đề án 996), Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) đã tham mưu UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 15/7/2021 của UBND tỉnh thực hiện đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Nhằm đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông về hoạt động đo lường nhằm nâng cao nhận thức của doanh nghiệp (DN) và xã hội về hoạt động đo lường, Sở KH&CN đã phối hợp với Trung tâm đào tạo nghiệp vụ (thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn



Tập huấn luyện chuyên sâu về đảm bảo đo lường trong kinh doanh xăng dầu tại Công ty TNHH MTV Xăng dầu Quảng Ngãi.

Đo lường Chất lượng) tổ chức các lớp tập huấn về Đề án 996 cho cán bộ tham gia hoạt động đo lường trong cơ quan nhà nước, DN trên địa bàn tỉnh; về đảm bảo đo lường, chất lượng trong kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng (LPG) các DN trên địa bàn tỉnh; quy định về đo lường, ghi nhãn hàng hoá đối với hàng đóng gói sẵn trên địa bàn các huyện, thành phố; quy định về đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu... Qua các lớp tập huấn này đã hướng dẫn cho các DN xây dựng chương

trình đảm bảo đo lường đối với hàng đóng gói sẵn, hướng dẫn các DN kinh doanh xăng dầu kiểm tra sai số phương tiện đo, phép đo trong thương mại bán lẻ.

Ông Trần Ngọc Tiên, Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Xăng dầu Quảng Ngãi cho biết: Công tác đảm bảo đo lường tại DN được chúng tôi thực hiện đảm bảo theo các quy định pháp luật như Luật đo lường, các nghị định và thông tư hướng dẫn về đo lường. Trong tháng 11 vừa qua, Công ty phối hợp

cùng Sở KH&CN và Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng II tổ chức tập huấn về đảm bảo đo lường tại DN nhằm mục đích đảm bảo công bằng xã hội, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, vật tư, năng lượng; đảm bảo an toàn và sức khỏe cho người tiêu dùng; đảm bảo hiệu lực quản lý của cơ quan nhà nước. Trên cơ sở đó, chúng tôi ban hành các quy trình, quy định từ khâu đầu vào đến khâu ra của sản phẩm. Hàng năm, công ty đều thực hiện kiểm định đo lường đảm bảo đúng theo quy định...

Thông qua công tác tập huấn, tuyên truyền đã từng bước nâng cao nhận thức trong DN về lợi ích của việc tham gia Đề án 996, cũng như tham gia chương trình đảm bảo đo lường, qua đó nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hoá trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Ngoài ra, công tác hỗ trợ doanh nghiệp đảm bảo đo lường thông qua công tác kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được đẩy mạnh. Hàng năm, Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ đã kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm hơn 10.000 phương tiện đo, chuẩn đo lường đang sử dụng tại các DN trên địa bàn tỉnh. Hoạt động này góp



Ông Tạ Ngọc Tú, Phó giám đốc QUATEST 2 trao đổi về một số nội dung thuộc Đề án 996 tại buổi Tập huấn chuyên sâu về đảm bảo đo lường trong kinh doanh xăng dầu tại Công ty TNHH MTV Xăng dầu Quảng Ngãi.

phần đảm bảo chất lượng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ và năng lực cạnh tranh của DN...

Ông Tạ Ngọc Tú, Phó giám đốc, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 2 (QUATEST 2) cho biết: Thông qua các hoạt động tuyên truyền về Đề án 996 của các cơ quan nhà nước, các DN được tiếp cận và thực hiện. Hiện nay, các DN xây dựng các bước và triển khai thực hiện Chương trình đảm bảo đo lường tại doanh nghiệp theo hướng dẫn tại Quyết định số 510/QĐ-BKHCN của Bộ KH&CN. Thông qua Chương trình đảm bảo đo lường nhiều DN sẽ tìm ra các giải pháp về đo lường để giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm nguyên vật liệu, giảm tổn thất điện năng, giảm khí

phát thải, sử dụng hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh, giảm giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Đối với hoạt động kiểm soát đo lường, từng DN xác định danh mục thiết bị, phương tiện đo sử dụng, nếu thuộc nhóm 2 theo Thông tư 07/2019/TT-BKHCN của Bộ KH&CN quy định bắt buộc phải thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo chu kỳ, nếu phương tiện đo thuộc nhóm 1, DN chủ động tự nguyện thực hiện hoạt động kiểm soát đo lường thông qua hướng dẫn của tổ chức, cơ quan có chuyên môn. Tới ưu hiệu quả về đo lường giúp DN nâng cao năng suất chất lượng; nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế ■

KẾT NỐI CÁC MÔ HÌNH KHỞI NGHIỆP

NHƯ PHƯƠNG

Câu lạc bộ khởi nghiệp (CLBKN) có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, cung cấp không gian cho những ý tưởng mới được phát triển, thử nghiệm và chia sẻ. CLBKN đổi mới sáng tạo thị xã Đức Phổ ra đời đã kết nối các mô hình khởi nghiệp trên địa bàn thị xã, góp phần đẩy mạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh, đem lại hiệu quả kinh tế cho địa phương.

CLBKN đổi mới sáng tạo thị xã Đức Phổ được thành lập vào tháng 11 năm 2024, có Ban chủ nhiệm lâm thời gồm 04 thành viên là 01 Chủ nhiệm, 03 Phó chủ nhiệm. Hiện tại, CLBKN có 12 thành viên tham gia.

Ông Huỳnh Sang, Chủ nhiệm Câu lạc bộ Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thị xã Đức Phổ cho biết: Mục tiêu thành lập CLBKN đổi mới sáng tạo thị xã Đức Phổ là nhằm mục đích hỗ trợ các chủ thể của thị xã Đức Phổ kết nối lại và nâng tầm giao lưu với các huyện trong tỉnh và các tỉnh lân cận, để nâng tầm sản phẩm của thị xã Đức Phổ lên một tầm cao mới và tạo tiền đề cho các thành viên trong hợp tác xã xây dựng các sản phẩm ngày càng chất lượng hơn.



Ra mắt CLBKN đổi mới sáng tạo thị xã Đức Phổ.

Đến nay, các thành viên CLBKN đã có các sản phẩm được đánh giá và công nhận là sản phẩm OCOP. Đó là sản phẩm bánh thuẫn Bảy Dậy của ông Phạm Văn Dậy ở xã Phổ Thuận, thị xã Đức Phổ. Với mong muốn giữ gìn, phát huy nghề làm bánh truyền thống lâu năm của gia đình mình tại địa phương, ông Dậy đã duy trì và phát triển mô hình sản xuất bánh thuẫn để cung cấp cho thị trường trong tỉnh với sản phẩm đạt chất lượng và được người tiêu dùng tin dùng. Năm 2022, sản phẩm bánh thuẫn Bảy Dậy được công nhận là sản phẩm OCOP 3 sao, sản phẩm địa phương đặc trưng của xã Phổ Thuận, thị xã Đức Phổ và mang hương vị bánh thuẫn truyền thống của Quảng Ngãi.

Mô hình sản phẩm chả “2 Miền” của ông Phạm

Miễn. Nắm bắt nhu cầu của thị trường, cơ sở sản xuất của ông Miễn đã cho ra nhiều sản phẩm “2 Miền” đa dạng như chả da, chả heo, chả bò... Để đảm bảo chất lượng và an toàn, cơ sở của ông đã tuân thủ đầy đủ các quy trình sản xuất và các thủ tục về giấy chứng nhận cho sản phẩm. Năm 2024, các sản phẩm chả bò, chả heo “2 Miền” của cơ sở ông Miễn đã được công nhận là sản phẩm OCOP 3 sao. Ông Miễn cho biết: Lâu nay, cơ sở của tôi chủ yếu phục vụ bà con ở thị xã Đức Phổ. Vì vậy tôi muốn kết nối với cộng đồng khởi nghiệp của thị xã Đức Phổ để đưa sản phẩm không chỉ ở thị xã Đức Phổ mà còn vươn xa hơn và liên kết cộng đồng khởi nghiệp ở tỉnh Quảng Ngãi; qua đó mình tìm hiểu, trao đổi, đưa hàng hóa giao lưu nhiều hơn.



Sản phẩm chả nem “2 Miền” được trưng bày tại gian hàng nông sản Quảng Ngãi.

Mô hình trồng nấm của chị Hồ Thị Lân ở thị xã Đức Phổ. Nấm bắt nhu cầu của thị trường về tiêu dùng sản phẩm nấm cũng như các sản phẩm sạch để đảm bảo sức khỏe, chị Hồ Thị Lân đã khởi nghiệp bằng nghề trồng nấm. Lúc đầu, vợ chồng chị Lân cũng tìm hiểu, học hỏi và mua giống nấm về trồng nhưng trồng có lúc thành công, có lúc thất bại. Sau đó, vợ chồng chị tham gia hội nhóm trồng nấm và được chia sẻ về kinh nghiệm cũng như hướng dẫn kỹ thuật nuôi trồng. Vợ chồng chị quyết định vay vốn ngân hàng để

mua sắm các thiết bị hỗ trợ trong quá trình làm nấm như máy trộn mùn cưa, lò hấp... Nhờ có máy móc, thiết bị hỗ trợ, cộng với nấm vững kỹ thuật trồng, chăm sóc, nên nấm nhà chị luôn cho năng suất cao. 3 năm qua, kể từ ngày trồng nấm, mỗi năm, gia đình chị thu nhập từ nấm gần 100 triệu đồng. Nguồn thu nhập này không chỉ góp phần trang trải được cuộc sống gia đình mà còn tạo việc làm cho một số phụ nữ ở địa phương. Khi trồng nấm, chị luôn tuân thủ chặt chẽ quy trình sản xuất nên sản phẩm nấm của gia đình

chị Lân luôn được các khách hàng trong và ngoài tỉnh tiêu thụ mạnh. Năm 2024, Sản phẩm nấm của cơ sở chị Hồ Thị Lân đã được công nhận là sản phẩm OCOP 3 sao.

Mô hình sản xuất nước mắm Mỹ Á của chị Lê Thị Thùy Trang ở xã Phổ Quang, thị xã Đức Phổ. Nước mắm Mỹ Á được chế biến từ 100% cá cơm tươi theo phương pháp ủ chượp suốt 12 tháng, hoàn toàn tự nhiên, mang lại hương vị thơm ngon, đậm đà và bổ dưỡng. Thương hiệu này đã được công nhận đạt chuẩn OCOP 3 sao cấp tỉnh, đảm bảo không sử dụng chất bảo quản hay phụ gia, tốt cho sức khỏe người dùng. Trung bình mỗi năm, Công ty TNHH MTV thu mua thủy hải sản Trang Hùng sản xuất và đưa ra thị trường khoảng 100.000 lít nước mắm Mỹ Á, góp phần gìn giữ và phát triển nghề truyền thống nước mắm tại địa phương.

Năm 2025, CLBKN đổi mới sáng tạo thị xã Đức Phổ tiếp tục mở rộng thêm nhiều thành viên; mở cửa hàng trưng bày sản phẩm của CLBKN, các sản phẩm OCOP của tỉnh Quảng Ngãi và là điểm sinh hoạt của Câu lạc bộ hàng tháng để kết nối thành viên, trao đổi để nâng tầm sản phẩm của mình ngày chất lượng hơn, ông Huỳnh Sang, Chủ nhiệm CLBKN đổi mới sáng tạo thị xã Đức Phổ cho biết thêm ■



Sản phẩm nấm sò xám của hộ chị Hồ Thị Lân.

NGHIÊN CỨU ĐẶC ĐIỂM LÂM SÀNG, HÌNH ẢNH CỘNG HƯỞNG TỪ SỌ NÃO VÀ ĐIỆN NÃO ĐỒ Ở BỆNH NHI VIÊM NÃO TẠI BỆNH VIỆN SẢN NHI TỈNH QUẢNG NGÃI

TÚ UYÊN

Tại Việt Nam, theo thống kê trên cả nước trung bình có khoảng 1.000 trường hợp viêm não do vi rút ở người lớn và trẻ em mỗi năm. Ngày nay, chẩn đoán hình ảnh đóng vai trò quan trọng trong chẩn đoán và tiên lượng các bệnh lý về thần kinh. Trong đó, điện não đồ và cộng hưởng từ sọ não là hai kỹ thuật hiệu quả nhất trong bệnh lý viêm não. Tại Quảng Ngãi, Bệnh viện Sản Nhi tỉnh đã tiếp nhận và điều trị bệnh viêm não ở trẻ em, điều trị tất cả các mức độ nặng từ rối loạn tri giác nhẹ đến hôn mê..., trung bình khoảng 20-30 trường hợp bệnh nhập viện mỗi năm, bệnh biểu hiện triệu chứng đa dạng và diễn biến phức tạp. Vì vậy, để có cái nhìn tổng quát giúp chẩn đoán và xử trí bệnh viêm não ở trẻ em, Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ngãi nghiên cứu đề tài “Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, hình ảnh cộng hưởng từ sọ não và điện não đồ ở bệnh nhi viêm não tại Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ngãi”.

Mục tiêu là mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng ở bệnh nhi viêm não tại Bệnh viện Sản Nhi tỉnh; phân tích

Viêm não là một trong những thể bệnh hay gặp nhất của nhiễm trùng hệ thần kinh trung ương ở trẻ em. Viêm não có thể do nhiều nguyên nhân gây ra; trong đó nguyên nhân do nhiễm trùng là quan trọng và phổ biến nhất, đặc biệt là vi rút.



Máy ghi điện não Neurofax - EEG 1200k.

một số yếu tố liên quan giữa các hình ảnh trên cộng hưởng từ sọ não và điện não đồ với tình trạng lâm sàng ở đối tượng nghiên cứu. Đối tượng nghiên cứu của đề tài bao gồm tất cả trẻ em từ 2 tháng đến 15 tuổi nhập viện điều trị với chẩn đoán viêm não tại Bệnh viện Sản Nhi tỉnh và có 50 bệnh nhi thỏa mãn tiêu chuẩn chọn bệnh. Đề tài cho kết quả nghiên cứu như sau:

* Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu:

- Phân bố theo tuổi: Trung

vị tuổi bệnh nhi 84 (39,75-120,00) tháng tuổi; tuổi nhỏ nhất 2 tháng, tuổi lớn nhất 180 tháng tuổi. Viêm não ở trẻ em gặp tập trung từ 60 đến 180 tháng tuổi, chiếm 70%.

- Phân bố theo giới: Nam giới chiếm tỷ lệ cao hơn 52%, nữ giới chiếm tỷ lệ 48%.

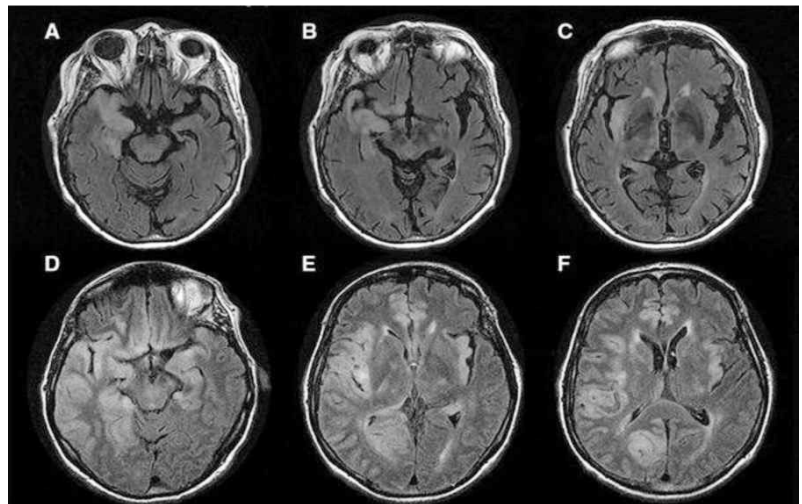
- Phân bố theo khu vực: Bệnh nhân trong nghiên cứu tập trung chủ yếu ở khu vực đồng bằng, chiếm tỷ lệ 56%.

- Phân bố theo dân tộc: Tỷ lệ bệnh nhi viêm não là

☞ dân tộc thiểu số chiếm khá cao 36%.

* Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhi viêm não:

- Đặc điểm lâm sàng, các xét nghiệm huyết học, sinh hóa: Tỷ lệ bệnh nhi viêm não được tuyến dưới chuyển lên khá cao chiếm 44%. Lý do vào viện thường gặp của viêm não ở trẻ em là sốt (62%), đau đầu (34%), co giật (30%), rối loạn tri giác (28%) và nôn (10%). 74% bệnh nhi viêm não vào viện có tình trạng sốt. Thời gian nhập viện <48 giờ chiếm tỷ lệ cao nhất (54%); 4% trường hợp nhập viện sau >7 ngày; thời gian nhập viện ngắn nhất 1 giờ, thời gian dài nhất 14 ngày. 26% bệnh nhi có điểm Glasgow <9 điểm lúc vào viện; 14% bệnh nhi không rối loạn tri giác (Glasgow 15 điểm) khi vào viện; điểm Glasgow cao nhất 15 điểm, thấp nhất 5 điểm. 44% bệnh nhi có điểm Glasgow <9 điểm khi tri giác xấu nhất. Thời gian rối loạn tri giác từ 1-3 ngày chiếm tỷ lệ cao nhất (56%); thời gian rối loạn tri giác ngắn nhất 1 ngày, dài nhất 8 ngày. Các triệu chứng thường gặp là co giật (42%), rối loạn trương lực cơ (38%) và yếu, liệt chi (22%); trương lực cơ tăng chiếm tỷ lệ cao hơn so với giảm trương lực cơ (26% so với 12%), đặc điểm co giật chủ yếu là co giật toàn thân, chiếm tỷ lệ 85,7%. Các



Hình ảnh học điển hình của viêm não do HSV-1 trên MRI.

triệu chứng thường gặp nhất theo thứ tự lần lượt là đau đầu, quấy khóc (98%); cứng cổ/thóp phồng (90%); nôn (76%); kernig (67,7%).

84% bệnh nhân có số lượng hồng cầu bình thường và 46% bệnh nhân có hemoglobin bình thường; đa số bệnh nhân có số lượng bạch cầu bình thường hoặc tăng (chiếm 98%), trung vị số lượng bạch cầu là 13,91 (9,55-19,50) (10/L); tiểu cầu trong giới hạn bình thường chiếm 82%. Natri máu giảm chiếm tỷ lệ cao khá cao (38%), nồng độ Natri máu trung bình $136,84 \pm 6,81$ (mmol/L); kali máu bình thường chiếm tỷ lệ 78%; nồng độ Clo máu trung bình $103,07 \pm 8,02$ (mmol/L); đa số glucose máu nằm trong giới hạn bình thường (66%), 34% trường hợp tăng glucose máu, nồng độ glucose máu trung bình $6,25 \pm 2,02$ (mmol/L); CRP tăng chiếm 58%, trung vị

của CRP 14,09 (2,32-23,36) (mg/L). Số lượng tế bào dịch não tủy tăng <500 bạch cầu/mm³ chiếm tỷ lệ 92%, trung vị số lượng tế bào dịch não tủy 50 bạch cầu/mm³; bạch cầu lympho chiếm ưu thế, trung vị phần trăm bạch cầu lympho 95%. Đa số nồng độ protein dịch não tủy nằm trong mức bình thường hoặc tăng nhẹ (<1g/L) chiếm tỷ lệ (88%), trung vị nồng độ protein dịch não tủy 0,4 g/L.

Đặc điểm hình ảnh cộng hưởng từ sọ não và điện não đồ: 38% bệnh nhi phát hiện có tổn thương viêm não khi chụp cộng hưởng từ sọ não, 58% bệnh nhi phát hiện có bất thường khi đo điện não. 24% bệnh nhi viêm não có đồng thời tổn thương trên cộng hưởng từ và bất thường trên điện não đồ, 28% bệnh nhi viêm não không có tổn thương cả trên cộng hưởng từ và điện não đồ. Tỷ lệ vị trí tổn thương phát hiện trên điện não đồ tương ứng với ☞



Máy chụp cộng hưởng từ Philips 1.5T ở Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ngãi.

vị trí tổn thương trên cộng hưởng từ sọ não 36,8%. Vị trí tổn thương hay gặp nhất theo thứ tự lần lượt là đồi thị (42,1%), thùy thái dương, thùy chẩm (26,3%), thùy trán (21,1%), thùy đỉnh (15,8%); ngoài ra còn gặp các tổn thương ở tiểu não, cuống não, lõi thể chai và các nhân xám; đa số các tổn thương nằm ở cả 2 bên não (47,4%); tính chất ổ tổn thương lan tỏa chiếm tỷ lệ 52,6%. Tổn thương giảm tín hiệu trên xung T1W chiếm đa số (73,7%), tất cả tổn thương đều tăng tín hiệu trên T2W và FLAIR (100%), 52,6% tổn thương tăng tín hiệu trên ADC.

Hoạt động nền của điện não không phù hợp với lứa tuổi và trạng thái chiếm đa số (93,1%); 19/29 (65,5%) điện não có hoạt động sóng chậm, trong đó đa số mang tính chất lan tỏa (57,9%), vị trí hoạt động sóng chậm theo thứ tự thường gặp là thái dương (73,7%), trán,

chẩm (57,9%), đỉnh, sau (26,3%); 20,7% điện não có hoạt động động kinh.

- Kết quả điều trị: Tỷ lệ bệnh nhi viêm não tử vong hoặc để lại di chứng gần còn khá cao, chiếm 48%.

* Một số yếu tố liên quan giữa các hình ảnh trên cộng hưởng từ sọ não và điện não đồ với tình trạng lâm sàng ở bệnh nhi viêm não

Mối liên quan giữa các hình ảnh cộng hưởng từ sọ não với tình trạng lâm sàng ở bệnh nhi viêm não: Trong số bệnh nhi viêm não có tổn thương trên cộng hưởng từ thì tỷ lệ hôn mê cao hơn so với không hôn mê (40,9% so với 35,7%), tuy nhiên sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê ($p>0,05$). Bệnh nhi viêm não có tổn thương ở đồi thị có tỷ lệ hôn mê cao hơn so với không hôn mê (66,7% so với 20,0%), sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($p<0,05$); các vị trí tổn thương ở các

thùy não và tiểu não không có mối liên quan với tình trạng hôn mê ($p>0,05$). Vị trí tổn thương ở thùy đỉnh có kết quả điều trị khỏi không di chứng gần cao hơn so với tử vong, di chứng gần (33,3% so với 0%), sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($p<0,05$); các vị trí tổn thương khác không có sự khác biệt về kết quả điều trị ($p>0,05$). Không có mối liên quan giữa bên tổn thương và tính chất khu trú hay lan tỏa của tổn thương với tình trạng hôn mê ($p>0,05$).

Mối liên quan giữa hình ảnh điện não đồ với tình trạng lâm sàng ở bệnh nhi viêm não: Không có mối liên quan giữa điện não đồ với tình trạng hôn mê ($p>0,05$). Không có mối liên quan giữa hoạt động nền, hoạt động động kinh, hoạt động sóng chậm của điện não đồ với tình trạng hôn mê ($p>0,05$). Không có mối liên quan giữa tính chất và vị trí hoạt động sóng chậm của điện não đồ với tình trạng hôn mê ($p>0,05$). Không có mối liên quan giữa điện não đồ với triệu chứng co giật ($p>0,05$). Không có mối liên quan giữa điện não đồ với kết quả điều trị ($p>0,05$).

Kết quả nghiên cứu của đề tài giúp cho việc chẩn đoán và điều trị được kịp thời, hạn chế các biến chứng cũng như tỷ lệ tử vong ở bệnh nhi viêm não; đem lại hiệu quả trong điều trị bệnh ■

NẤM DƯỢC LIỆU NINH TRƯỞNG NHẬN GIẢI THƯỞNG LƯƠNG ĐỊNH CỦA NĂM 2024

✍ NGUYỄN ANH

Trong 36 điển hình trên toàn quốc được Trung ương Đoàn trao Giải thưởng Lương Định Của năm 2024, tỉnh Quảng Ngãi vinh dự có 01 gương mặt xuất sắc được xét chọn là anh Trương Quang Ninh, 31 tuổi, là Giám đốc Giám đốc Công ty TNHH MTV Nấm Dược Liệu Ninh Trường.

Nhận thấy nấm đông trùng hạ thảo mang lại nhiều lợi ích về sức khỏe, tuy nhiên, giá thành nấm đông trùng hạ thảo tự nhiên quá đắt nên người dân khó tiếp cận. Mong muốn làm sao nuôi trồng loại nấm này và bán với giá cả phù hợp cho người dùng, anh Trương Quang Ninh đã nghiên cứu, xây dựng và phát triển thành công thương hiệu nấm đông trùng hạ thảo. Năm 2015, anh Trương Quang Ninh là một trong những thanh niên đi tiên phong khởi nghiệp từ mô hình nuôi đông trùng hạ thảo ở Quảng Ngãi.

Anh Ninh kể lại, lúc bắt đầu thực hiện các thí nghiệm đã gặp rất nhiều khó khăn, thất bại liên tục làm tiêu tốn khá nhiều công sức và tiền bạc. Quá trình nghiên cứu quy trình nuôi trồng nấm đông trùng hạ thảo kéo dài trong 2 năm, gặp nhiều thất bại, đến tháng 10/2016 bước đầu đã có những thành công nhất định và cho ra những sản phẩm đầu tiên. Việc nghiên cứu và nuôi trồng thành công trong điều kiện nhân tạo tân tiến được



Anh Trương Quang Ninh trưng bày sản phẩm của mình tại các hội chợ, hội thảo giới thiệu sản phẩm đặc sản Quảng Ngãi.

mô phỏng tương tự với điều kiện sống tự nhiên của đông trùng hạ thảo nên hoàn toàn có thể kiểm soát quy trình nuôi trồng một cách tối ưu để cho ra sản phẩm tốt nhất, góp phần giúp người tiêu dùng có cơ hội tiếp cận các sản phẩm với giá cả phù hợp nhằm giúp cải thiện chất lượng cuộc sống và đáp ứng các nhu cầu về chăm sóc sức khỏe.

Với quy mô ban đầu 120 m², đến thời điểm hiện tại quy mô nhà xưởng là 400 m² với 2 phòng nuôi đạt số lượng 20.000 phôi nấm,

với 05 sản phẩm, gồm: nấm đông trùng hạ thảo tươi, nấm đông trùng hạ thảo khô, nấm đông trùng hạ thảo ngâm rượu, nấm đông trùng hạ thảo ngâm mật ong, nấm đông trùng hạ thảo chưng yến... Trong đó, nấm đông trùng hạ thảo khô và rượu đông trùng hạ thảo vừa được tỉnh Quảng Ngãi công nhận sản phẩm OCOP 3 sao trong Chương trình mỗi xã một sản phẩm.

Tất cả các sản phẩm đều được kiểm tra chặt chẽ trước khi được đưa ra thị trường, với giá cả đông trùng hạ



Anh Trương Quang Ninh giới thiệu các sản phẩm nấm đông trùng hạ thảo của Công ty.

thảo tươi 200.000đ/100g tươi, đông trùng hạ thảo khô 250.000 đồng/lo, rượu nấm đông trùng hạ thảo SONITA 400.000 đồng/chai, mật ong đông trùng hạ thảo SONITA 300.000 đồng/lo. Sản phẩm của công ty đã có mặt hơn 30 tỉnh, thành. Ngoài ra, công ty còn bán hàng online trên kênh youtube, kênh youtube hiện hơn 5.000 lượt theo dõi và bán trên zalo, facebook, fanpage. Hiện tại, tổng doanh thu của công ty

trong 1 quý đạt từ 350 triệu đến 400 triệu đồng, trừ toàn bộ chi phí công ty còn lãi từ 100 triệu đến 150 triệu đồng. Công ty tạo việc làm thường xuyên cho 04 kỹ sư ngành công nghệ sinh học và 7 lao động thời vụ.

Để nâng cao hiệu quả, công ty đã đầu tư dây chuyền sản xuất và chế biến tự động, từ hệ thống làm lạnh phun sương, phòng nuôi cấy và nhân giống đến ứng dụng sấy thăng hoa. Trong thời



Phòng nuôi cấy và nhân giống đông trùng hạ thảo của Công ty.

gian tới, công ty tiếp tục nghiên cứu nâng cao sản lượng, chất lượng và giá trị các sản phẩm ngày càng gia tăng, từng bước khẳng định vị thế trên thị trường trong và ngoài tỉnh, Giám đốc Nấm dược liệu Ninh Trương cho biết thêm.

Từ nỗ lực và cố gắng của mình, chàng trai trẻ Trương Quang Ninh đã đạt các thành tích như Giải Nhì cuộc thi tìm tài năng thanh niên tỉnh Quảng Ngãi 2019; Bằng khen đã có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong các phong trào thi đua yêu nước; Bằng khen đã có thành tích tiêu biểu trong phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, giai đoạn 2017-2022; Giấy chứng nhận đạt giải nhì triển lãm hình ảnh nhãn hiệu (logo) doanh nghiệp; Chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực – năm 2022; Chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh – năm 2022. Và đặc biệt, đây là lần thứ 2, chàng trại vinh dự nhận được Giải thưởng Lương Định Của (năm 2017 và năm 2024). Đây giải thưởng cao quý của Trung ương Đoàn dành tặng cho những thanh niên nông thôn tiêu biểu trong khởi nghiệp, lập nghiệp. Qua đó, tuyên truyền, nhân rộng các mô hình, điển hình thanh niên tiên tiến trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ■

Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thuộc Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, bắt đầu thực hiện từ năm 2025

 **TUỜNG LAN**

Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Thông báo số 2950/TB-SKHCN ngày 24 tháng 12 năm 2024 về đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp tỉnh thuộc Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, bắt đầu thực hiện từ năm 2025.

Yêu cầu chung:

- Các đề xuất nhiệm vụ KH&CN phải phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được quy định tại Quyết định số 1322/QĐ-TTg đối với nhiệm vụ do địa phương thực hiện và Kế hoạch số 11/KH-UBND; đáp ứng các yêu cầu đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

- Các đề xuất nhiệm vụ KH&CN nhằm thúc đẩy năng suất trong quá trình tái cấu trúc nền kinh tế của tỉnh; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Các đề xuất nhiệm vụ KH&CN phải đảm bảo tính khả thi; phải trình bày cụ thể, rõ ràng theo các thông tin trong mẫu Phiếu đề xuất kèm theo Thông báo này và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi (<http://skh.quangngai.gov.vn>).

Định hướng nội dung đề xuất:

- Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế chính sách, các giải pháp về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thúc đẩy năng suất trong quá trình tái cấu trúc nền kinh tế của tỉnh; các nhiệm vụ nghiên cứu, triển khai ứng dụng các giải pháp năng suất xanh và phát triển cộng đồng tại địa phương.

- Hỗ trợ doanh nghiệp các nội dung cụ

thể như sau:

+ Áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng cơ bản, đẩy mạnh áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng đặc thù của ngành, lĩnh vực, tiêu chuẩn về hệ thống quản lý mới được công bố.

+ Áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (G.A.P), thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ; giải pháp năng suất xanh, chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí nhà kính.

+ Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để thiết lập, tối ưu hóa, hiện đại hóa hệ thống quản trị doanh nghiệp; cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng gắn với việc triển khai chuyển đổi số; áp dụng tiêu chuẩn, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh.

+ Chứng nhận sản phẩm, hàng hóa, chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, môi trường, năng lượng, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp và chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế.

Thời hạn tiếp nhận Phiếu đề xuất:

Hạn cuối nhận Phiếu đề xuất trước 17 giờ 00 phút, ngày 26/5/2025 (Thứ Hai) theo dấu ghi ngày công văn đến hoặc dấu bưu điện trên hồ sơ.

Chi tiết xin liên hệ: Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng:
Điện thoại: 025538556004 - 0905700368
(bà Huỳnh Thị Phương Thu) ■

SỰ KIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NỔI BẬT NĂM 2024

MINH KHUÊ

Câu lạc bộ Nhà báo Khoa học và Công nghệ Việt Nam công bố kết quả bình chọn 10 sự kiện Khoa học và Công nghệ nổi bật năm 2024. Các lĩnh vực được bình chọn gồm cơ chế chính sách; khoa học, công nghệ ứng dụng; khoa học xã hội và nhân văn; tôn vinh nhà khoa học.



(1) Thống nhất chủ trương tái khởi động dự án điện hạt nhân Ninh Thuận

Ngày 25/11/2024, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII thống nhất chủ trương tái khởi động Dự án điện hạt nhân Ninh Thuận và tiếp tục nghiên cứu Chương trình điện hạt nhân tại Việt Nam. Ngày 30/11/2024, tại Kỳ họp thứ 8 của Quốc hội khóa XV, Quốc hội ra Nghị quyết tiếp tục thực hiện dự án điện hạt nhân Ninh Thuận; đồng thời giao Chính phủ khẩn trương chỉ đạo bố trí nguồn lực thực hiện theo kết luận của cấp có thẩm quyền; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các luật có liên quan, trong đó có Luật Năng lượng nguyên tử.

(2) Ban hành Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2050

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ký Quyết định số 1018/QĐ-TTg ngày 21/9/2024, ban hành Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2050.

Chiến lược định hướng phát triển công nghiệp bán dẫn ở Việt Nam đến năm 2050 theo lộ trình 3 giai đoạn. Trong đó, giai đoạn 1 (2024-2030) có một số mục tiêu cụ thể như: Thu hút đầu tư FDI có chọn lọc, hình thành ít nhất 100 doanh nghiệp thiết kế, 1 nhà máy chế tạo chip bán dẫn quy mô nhỏ

Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ hợp nhất với Bộ Thông tin và Truyền thông (Ảnh: Cổng thông tin Bộ KH&CN)

và 10 nhà máy đóng gói, kiểm thử sản phẩm bán dẫn; phát triển một số sản phẩm bán dẫn chuyên dụng trong một số ngành lĩnh vực; Quy mô nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn Việt Nam đạt trên 50.000 kỹ sư, cử nhân có cơ cấu, số lượng phù hợp, đáp ứng nhu cầu phát triển...

(3) Thực hiện chủ trương hợp nhất Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Thông tin và Truyền thông

Sau khi có chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”, ngày 6/12/2024, Chính phủ đã ban hành kế hoạch định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ.

Theo đó, Chính phủ định hướng duy trì 8 bộ, cơ quan ngang bộ (có sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy bên trong), đồng thời, sắp xếp, hợp nhất 14 bộ, cơ quan ngang bộ. Trong đó, hợp nhất Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Thông tin và Truyền thông. Việc hợp nhất hai bộ để tối ưu hóa nguồn lực, tránh chồng

☞ chéo, trùng lặp nhiệm vụ, đồng bộ về mặt chính sách, thuận lợi cho việc phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khuyến khích các giải pháp công nghệ.

(4) Công bố Bộ chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương

Ngày 12/3/2024, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố Bộ chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương, đồng thời công bố bảng xếp hạng đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2023 của 63 tỉnh, thành phố, trong đó, thành phố Hà Nội đạt điểm số cao nhất, tiếp theo là thành phố Hồ Chí Minh và Hải Phòng.

(5) Viện Vật lý Địa cầu làm chủ công nghệ quan trắc, báo tin động đất

Viện Vật lý Địa cầu đã vận hành gần 100 trạm quan trắc động đất trên lãnh thổ Việt Nam, ghi nhận 463 trận động đất trong năm 2024. Đây là nỗ lực đáng ghi nhận trong công tác phòng ngừa và cảnh báo động đất, sóng thần, giúp giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản.

(6) Viettel vận hành trung tâm dữ liệu lớn nhất Việt Nam



Trung tâm dữ liệu Viettel Hòa Lạc
(Ảnh: Viettel).

Tháng 4/2024, Tập đoàn Viettel đã khai trương Trung tâm Dữ liệu Viettel Hòa Lạc, với công suất 30MW và hơn 60.000 máy chủ, trở thành trung tâm dữ liệu lớn nhất tại Việt Nam. Trung tâm này được thiết kế với công nghệ xanh, cam kết sử dụng năng lượng tái tạo cho 30% điện tiêu thụ, phục vụ cho các ứng dụng AI và chuyển đổi số.

(7) Techfest 2024 và 10 năm phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo Việt Nam

Ngày hội Khởi nghiệp sáng tạo Quốc gia năm 2024 (Techfest 2024) diễn ra tại TP. Hải Phòng từ 26-28/11/2024 với chủ đề “Chúng tay phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo Việt Nam”.



Techfest 2024 quy tụ nhiều chuyên gia, nhà đầu tư, doanh nghiệp khởi nghiệp, và gần 400 gian hàng khoa học công nghệ
(Ảnh: Bộ KH&CN).

Trong lần thứ 10 tổ chức, Techfest 2024 đánh dấu những thành tựu nổi bật với gần 10.000 lượt người tham dự; quy tụ hơn 1.100 diễn giả và chuyên gia hàng đầu, tạo cơ hội chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm và kết nối với hơn 200 đại diện quốc tế. Gần 400 gian hàng triển lãm từ các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đã mang đến những sản phẩm và giải pháp công nghệ độc đáo. Đã có hơn 50 phiên kết nối đầu tư chuyên sâu được tổ chức, mở ra nhiều thỏa thuận hợp tác quan trọng, với nhiều tiềm năng tiếp tục phát triển sau sự kiện.

Năm 2024, Chỉ số hệ sinh thái khởi nghiệp toàn cầu của Việt Nam đã tăng hai bậc từ vị trí thứ 58 lên 56 (đứng thứ 5 tại khu vực Đông Nam Á và thứ 12 tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương).

(8) FPT xây dựng Trung tâm trí tuệ nhân tạo trị giá hơn 4.300 tỷ đồng

Ngày 18/8/2024, Liên danh FPT Quy Nhơn (thuộc Tập đoàn FPT) phối hợp Ủy



Tổ hợp Trung tâm nghiên cứu, sản xuất và đào tạo chuyên gia công nghệ được FPT đầu tư triển khai tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (Ảnh: Đại học FPT).

ban Nhân dân tỉnh Bình Định chính thức khởi công Dự án Trung tâm AI và đô thị phụ trợ tại thành phố Quy Nhơn. Dự án có quy mô hơn 93,2ha, tổng vốn đầu tư 4.362 tỷ đồng. Trung tâm AI được xác định là nơi nghiên cứu, đào tạo, sản xuất phần mềm, hỗ trợ chuyển đổi số, cung cấp giải pháp an ninh mạng, an ninh xã hội, AI phục vụ con người, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị dịch vụ.

Cũng trong năm 2024, FPT đã hợp tác với Nvidia đầu tư lớn vào công nghệ AI, bán dẫn.

(9) Phát hiện khu cư trú người tiền sử niên đại 8.000 năm ở Bắc Kạn

Tháng 8/2024, Hội Khảo cổ học Việt Nam và Bảo tàng tỉnh Bắc Kạn đã phát hiện



Công cụ bằng đá ở hang Kẹm Liềm (Nguồn: <https://dantri.com.vn/>).

ra nhiều dấu vết người tiền sử tại 4 di tích thuộc hơn 20 hang tại hai xã Quảng Khê và

Đồng Phúc, huyện Ba Bể (tỉnh Bắc Kạn) sau hơn một tháng thực địa.

Tại hang Kẹm Liềm ở thôn Chợ Lèng, xã Quảng Khê, đoàn khảo sát đã phát hiện tầng văn hóa dày 0,7m nằm ngay trên nền đá tảng và thu được nhiều di vật. Dựa vào nghiên cứu tổng thể các di vật, kết cấu trầm tích địa tầng văn hoá, bước đầu đoàn khảo sát nhận định hang Kẹm Liềm là một di tích cư trú của người tiền sử thuộc giai đoạn sớm của thời đại đá mới có niên đại khoảng 7.000 - 8.000 năm cách ngày nay.

(10) Người Việt đầu tiên đoạt giải thưởng thiên văn quốc tế Đài Loan (Trung Quốc)



Phó Giáo sư, Tiến sĩ Hoàng Chí Thiêm (Nguồn: <https://dantri.com.vn/>).

PGS.TS Hoàng Chí Thiêm (45 tuổi, hiện làm việc tại Viện Nghiên cứu khoa học thiên văn vũ trụ Hàn Quốc và Đại học Khoa học công nghệ Hàn Quốc) đã đoạt Giải thưởng bài giảng cho nhà thiên văn học trẻ toàn thế giới năm 2024 do Đại học Trung ương Đài Loan tặng.

Ông là người Việt Nam đầu tiên, đồng thời là người thứ 4 đang làm việc ở châu Á đoạt giải thưởng này. Giải thưởng được tổ chức từ năm 2012, dành cho 1-2 nhà khoa học dưới 45 tuổi, không phân biệt quốc tịch, sắc tộc. Giải thưởng do Hội đồng quốc tế gồm các nhà khoa học hàng đầu trong lĩnh vực thiên văn và vật lý thiên văn đề cử, đánh giá và lựa chọn trao tặng ■

ẢNH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



Khen thưởng cho các cá nhân có thành tích xuất sắc tại Hội nghị công chức, viên chức, người lao động năm 2025 của Sở Khoa học và Công nghệ.



Hội nghị tổng kết công tác năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025 của Đảng bộ Sở Khoa học và Công nghệ.



Ng nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài “Nghiên cứu xây dựng mô hình thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) trên một số cây trồng có giá trị kinh tế cao để nâng cao nhận thức và năng lực cạnh tác của người dân tại tỉnh Quảng Ngãi”.



Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn thẩm định công nghệ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án Nhà máy Amazing EcoTech Textile Quảng Ngãi.



Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn thẩm định công nghệ trạm xử lý nước thải thuộc dự án khu tái định cư Bình Thanh.



Đào tạo an toàn bức xạ và cấp giấy chứng nhận đào tạo an toàn bức xạ năm 2025.

TRUNG TÂM ỨNG DỤNG VÀ DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG NGÃI

Địa chỉ: 202 Trường Chinh, P. Chánh Lộ, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

ĐT: 0255.3822911 - Fax: 0255.3828529

Trung tâm có chức năng phục vụ công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ (KH&CN); Thông tin, thống kê khoa học, công nghệ, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; Nghiên cứu, thực nghiệm, ứng dụng, chuyển giao công nghệ; Thực hiện các hoạt động sự nghiệp và dịch vụ kỹ thuật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; Thực hiện phân tích, thử nghiệm và các hoạt động dịch vụ khác trong lĩnh vực KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.



Máy quang phổ huỳnh quang tia X (dùng để xác định hàm lượng vàng trong sản phẩm vàng trang sức mỹ nghệ).



Hệ thống máy sắc khí (dùng để phân tích dư lượng thuốc BVTV trong nông sản, hợp chất hữu cơ trong nước).



Đo thử nghiệm tiếp địa chống sét.



Kiểm định XI TEC ô tô.



Kiểm định công tơ điện.



Kiểm định máy đo X-quang.